

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG

**BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG BỐN CÔNG ƯỚC
GENEVA VỀ VIỆC BẢO HỘ NẠN NHÂN CHIẾN TRANH**

Chuyên ngành: Pháp luật về quyền con người

Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN BÁ DIỄN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

MỞ ĐẦU 1

**Chương 1: TỔNG QUAN VỀ BỐN CÔNG ƯỚC GENEVA VỀ BẢO
HỘ NẠN NHÂN CHIẾN TRANH VÀ QUYỀN CON NGƯỜI**..... 9

1.1. Nhận thức về quyền con người 9

1.1.1. Khái niệm về quyền con người..... 9

1.1.2. Tính cấp thiết bảo vệ quyền con người trong bối cảnh xung đột
vũ trang 11

1.2. Khái quát chung về bốn Công ước Geneva 16

1.2.1. Khái niệm về bốn Công ước Geneva..... 16

1.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển của bốn Công ước Geneva 18

1.2.3. Đặc điểm, vai trò, phạm vi áp dụng của bốn Công ước Geneva.... 25

1.2.4. Phạm vi áp dụng của bốn Công ước Geneva..... 32

**Chương 2: NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỐN CÔNG ƯỚC
GENEVA VỀ VIỆC BẢO HỘ NẠN NHÂN CHIẾN TRANH** 36

2.1. Các nguyên tắc chung..... 36

2.2. Bảo hộ đối với những người tham chiến..... 38

2.2.1. Bảo vệ những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu..... 38

2.2.2. Bảo vệ tù binh 43

2.2.3. Lính đánh thuê 52

2.3. Bảo hộ đối với những đối tượng dân sự..... 55

2.3.1. Bảo vệ các nhân viên y tế, đơn vị y tế và phương tiện vận
chuyên y tế 55

2.3.2. Bảo vệ các nhân viên tôn giáo 60

2.3.3. Bảo vệ thường dân 62

2.3.4. Bảo vệ những đối tượng đặc biệt trong xung đột vũ trang (phụ nữ, trẻ em, phụ nữ có thai).....	66
2.4. Các biện pháp bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi các quy định của bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung	67
2.4.1. Các biện pháp quốc gia.....	67
2.4.2. Trách nhiệm của một số quốc gia bảo hộ, tổ chức trong việc hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân chiến tranh.....	68
2.4.3. Xử lý vi phạm cá nhân bằng chế quy chế của cơ quan xét xử hình sự quốc tế.....	72
2.5. Đánh giá tính hiệu quả về các quy định bảo vệ quyền con người của nạn nhân chiến tranh.....	73
Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC THI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG BỐN CÔNG ƯỚC GENEVA VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT	75
3.1. Nội luật hóa bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung vào pháp luật quốc gia	75
3.2. Thực trạng thực thi việc bảo vệ quyền con người trong bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung	80
3.2.1. Việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục nội dung bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung	80
3.2.2. Thực tiễn bảo vệ quyền con người trong xung đột vũ trang	82
3.2.3. Nguyên nhân của tồn tại phổ biến vi phạm nhân quyền trong chiến tranh.....	96
3.3. Giải pháp để nâng cao tính hiệu quả trong việc thực thi bảo vệ quyền con người trong bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung	101
KẾT LUẬN	106
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	109

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Khi lật lại từng trang trong cuốn sách “*Không thể chuộc lỗi*” – một cuốn sách (hồi ký) về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam của bác sĩ, cựu chiến binh người Mỹ – Allen Hassan thì nỗi ám ảnh kinh hoàng và đáng sợ về chiến tranh lại ùa về trong tôi. Tôi vẫn nhớ như in những cảnh tượng hàng ngày, hàng giờ trẻ em bị khiêng tới bệnh viện do thương tích mà tác giả miêu tả: “*Tôi chú ý đến những bàn tay ỉu rũ dọc theo thành cáng. Những bàn tay đu đưa này như muốn đặt câu hỏi: Tại sao? Tại sao lại là cháu? Cháu đã làm gì sai nào?*”.

Đằng sau đó là nỗi đau của người bố, người mẹ, người ông, người bà bị mất con, mất cháu, nỗi đau đón cả về thể xác lẫn tinh thần luôn giằng xé trong tâm khảm cả những người chết và người đang sống. Và hơn thế, trẻ em lẽ ra cái tuổi còn “*ấm giữa đến khoảng 5 tuổi*” thì phải được ăn, ngủ, vui chơi bên gia đình, được tận hưởng cuộc sống tươi đẹp và hạnh phúc, được cảm nhận hơi thở của hòa bình và tình yêu thương nhưng chiến tranh đã cướp đi sự ngây thơ, hồn nhiên trong đôi mắt, thậm chí còn chưa hiểu chuyện gì đang diễn ra, chưa nhận thức được thế giới xung quanh đã phải chịu cảnh bị thương tật đầy mình, thậm chí vĩnh viễn không bao giờ có quyền được sống, mà vốn dĩ tạo hóa đã ban cho bất cứ một người nào khi sinh ra vì đơn giản họ là con người. Người bác sĩ viết cuốn sách này đã rơi vào tình trạng trầm cảm khi phải chứng kiến thảm cảnh vào cuối tháng 05/1968:

Hình ảnh hàng chục thi thể trẻ em chết thảm thương ghi sâu vào tâm não tôi. Khi những đứa trẻ này chết một cách lặng lẽ, há hốc miệng ra thở rồi yếu ớt giãy giụa giữa từ cuộc đời, hết bé này đến bé khác, tôi đã tự hỏi có thể nào chuộc được lỗi lầm cho một cuộc thảm sát ghê rợn như thế.

Có thể nói, chiến tranh mang lại nỗi đau tuyệt vọng cho con người và

cả nỗi ám ảnh trong tâm thức của những người chứng kiến nó. Xét theo cái nhìn nhân quyền, chiến tranh tước bỏ quyền làm người tự nhiên, và rất rất nhiều quyền cơ bản lẽ ra trong thời bình con người được hưởng. Như một thực tế, chiến tranh khiến cho bản chất con người bị biến dạng, mà trong rất nhiều trường hợp, họ không được coi là một con người. Khi không được tôn trọng giống như một con người, thì đương nhiên con người nói chung sẽ bị giết, bị tra tấn một cách vô nhân đạo và phi nhân tính. Với ý nghĩa nhằm hạn chế những thiệt hại khủng khiếp và bảo vệ một số nhóm người cụ thể trong chiến tranh – Luật Nhân đạo quốc tế nói chung và Luật Geneva nói riêng ra đời.

Chính vì thế, tác giả chọn đề tài “***Bảo vệ quyền con người trong bốn Công ước Geneva về việc bảo hộ nạn nhân chiến tranh***” làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình, nhằm giới thiệu một cái nhìn tổng quan về các quy định trong Luật Geneva về việc bảo hộ nạn nhân chiến tranh. Thông qua đó, luận văn góp phần lấp một khoảng trống trong nghiên cứu khoa học về vấn đề bảo vệ các quyền của con người trong luật Nhân đạo quốc tế – một đề tài khá mới mẻ ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ BỐN CÔNG ƯỚC GENEVA VỀ BẢO HỘ NẠN NHÂN CHIẾN TRANH VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

1.1. Nhận thức về quyền con người

1.1.1. Khái niệm về quyền con người

Quyền con người là một khái niệm khá rộng, vì thế, “*mỗi một định nghĩa được đưa ra tiếp cận ở một góc độ nhất định, hiện có gần 50 định nghĩa về quyền con người*”. Theo quan điểm của những người theo trường phái tự nhiên thì cho rằng “*nhân quyền là những quyền bẩm sinh, vốn có*

của con người nếu không được hưởng thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người”. Điều này có nghĩa là, dù bạn là ai, bạn mang phong tục tập quán, truyền thống văn hóa nào, bạn là người có chức sắc trong xã hội hay bạn là công dân bình thường, thậm chí bạn thuộc nhóm người dễ bị tổn thương thì không một chủ thể nào, kể cả nhà nước có quyền tước bỏ quyền con người bẩm sinh, vốn có của con người như quyền sống, quyền được mưu cầu hạnh phúc, quyền không bị phân biệt đối xử... Một định nghĩa khác của Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc:

Quyền con người là những bảo đảm pháp lý phổ quát (universal legal guarantees) có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động (actions) hoặc sự bỏ mặc (omissions) làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép (entitlements) và tự do cơ bản (fundamental freedoms) của con người.

Điều này có nghĩa là mặc dù quyền con người là bẩm sinh vốn có nhưng chắc chắn sẽ có sự vi phạm nếu không có những quy định của pháp luật để phân định rạch ròi việc được làm gì và không được làm gì, đâu là hợp pháp hay bất hợp pháp. Vì thế quyền con người phải là những bảo đảm pháp lý phổ quát thì mới bảo vệ nhân phẩm, thể chất, tinh thần cho con người. Ở Việt Nam, vấn đề nhân quyền hay khái niệm quyền con người *“là những vấn đề mới mẻ, tồn tại nhiều quan điểm khác nhau nhưng nhìn chung quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế”*.

Theo Luật Nhân quyền quốc tế, quyền của một con người có hai nhóm quyền chính: (i) nhóm quyền dân sự, chính trị và (ii) nhóm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa.

1.1.2. Tính cấp thiết bảo vệ quyền con người trong bối cảnh xung đột vũ trang

Thứ nhất, chiến tranh tất yếu gây ra nhiều mất mát, đau thương về con người

Theo số liệu của Bộ quốc phòng và một số tài liệu khác, trong chiến tranh thế giới thứ nhất: 8 triệu binh sĩ bị chết, 15 triệu người bị thương nặng, trong đó 7 triệu người bị tàn phế suốt đời; trong chiến tranh thế giới thứ hai: khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người tàn phế.

Thứ hai, kinh tế kiệt quệ, thiệt hại lớn về tài sản

Cũng theo ghi chép từ nguồn tài liệu trên, chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, thiệt hại về vật chất khoảng 260 tỉ USD.

Thứ ba, môi trường bị phá hủy nghiêm trọng.

Với số lượng rất lớn chất độc hoá học đã rải xuống hủy hoại môi trường sống

Thứ tư, một tất yếu khách quan khi xung đột xảy ra là quyền con người bị thu hẹp, hạn chế hơn so với quyền con người trong thời bình:

Quyền sống với tư cách là một trong những quyền cơ bản nhất của con người được quy định trong Luật Nhân quyền quốc tế thì trong Luật Geneva, đối phương cầm súng tước đoạt mạng sống của nhau là hợp pháp. Bên cạnh đó, theo Luật Nhân quyền quốc tế, mọi cá nhân mà tước đoạt tự do của người khác thì phải chịu tố tụng (ngoại trừ một số ngoại lệ) còn trong Luật Geneva, luật vẫn cho phép các nhà nước giam giữ tù binh chiến tranh, có thể giam giữ một số dân thường vì lí do an ninh.

Thứ năm, các quyền cơ bản của con người bị xâm phạm nghiêm trọng.

Quyền sống (của các đối tượng vô can), quyền ăn uống tối thiểu, quyền về môi trường, quyền về sức khỏe bị vi phạm nghiêm trọng. Đặc biệt, một số quyền như quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo cũng bị vi phạm khá phổ biến, điển hình là, thí nghiệm kinh hoàng trên cơ thể con người của Đức quốc xã.

1.2. Khái quát chung về bốn Công ước Geneva

1.2.1. Khái niệm về bốn Công ước Geneva

Luật Geneva là khái niệm chỉ tập hợp những văn kiện được xây dựng dưới sự bảo trợ của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (International committee

of the Red Cross – ICRC) và được thông qua trong các hội nghị ngoại giao tổ chức ở Geneva (Thụy Sĩ) từ giữa thế kỉ XIX. Những văn kiện xuất phát từ nguồn này có nội dung trọng tâm nhằm bảo vệ nạn nhân của các cuộc xung đột vũ trang (bao gồm những binh sĩ bị thương, bị ốm, bị đắm tàu, thường dân, tù binh...).

1.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển của bốn Công ước Geneva

Năm 1859, một công dân Thụy Sĩ – Hăngri Đuynăng đã tận mắt chứng kiến hậu quả kinh hoàng, hàng ngàn binh sĩ bị thương nằm bất lực và bị bỏ rơi mà không có ai chăm sóc trong trận Solferino (miền Bắc nước Ý). Trải nghiệm đó đã thôi thúc ông và những người bạn của ông thành lập Ủy ban quốc tế giúp đỡ thương binh vào năm 1863 – tổ chức phi chính phủ quốc tế đầu tiên trên lĩnh vực này và là tiền thân của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế hiện nay. Năm 1864 Ủy ban đã tổ chức một hội nghị ngoại giao quốc tế ở Geneva với sự tham gia của đại diện từ 16 quốc gia châu Âu. Tại hội nghị, 16 quốc gia này đã ký một hiệp gọi là Công ước Geneva.

Công ước Geneva đầu tiên năm 1864 với 10 điều luật và tiếp tục được bổ sung và phát triển vào năm 1906, 1929 chỉ quan tâm đến những người bị thương, bị ốm trên chiến trường đồng thời kêu gọi sự bảo vệ đối với tất cả các cơ sở y tế, nhân viên y tế và bất kỳ người dân giúp đỡ những người bị thương. Công ước quy định Hội Chữ thập đỏ quốc tế là một nhóm y tế trung tính. Để đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn quốc tế, các Công ước Geneva năm 1949 với 600 điều luật, bao gồm:

Thứ nhất, Công ước Geneva (I) về bảo vệ những người bị thương và bị bệnh trong lực lượng vũ trang trên đất liền 1949

Thứ hai, Công ước Geneva (II) về bảo vệ những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển 1949

Thứ ba, Công ước Geneva liên quan đến đối xử tù nhân của chiến tranh 1949

Thứ tư, Công ước Geneva (IV) về bảo vệ thường dân trong thời gian chiến tranh được thông qua vào năm 1949

Với thực tế diễn biến phức tạp, thực tế đã chứng minh bốn Công ước Geneva chưa đủ hiệu quả pháp lý, vì thế, hai Nghị định thư bổ sung bốn công ước bao gồm Nghị định thư (I) về bảo vệ các nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang mang tính chất quốc tế và Nghị định thư (II) về bảo vệ các nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không mang tính chất quốc tế ra đời như một tất yếu khách quan của tình hình quốc tế.

1.2.3. Đặc điểm, vai trò, phạm vi áp dụng của bốn Công ước Geneva

1.2.3.1. Đặc điểm của bốn Công ước Geneva

Thứ nhất, bảo vệ một số nhóm người nhất định, bảo vệ tính nhân bản

Luật Geneva chỉ bảo vệ những nhóm người nhất định bao gồm: những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu, dân thường, tù binh, nhà báo, nhân viên y tế, nhân viên tôn giáo và một số đối tượng khác (gọi chung là các đối tượng được bảo hộ). Mặt khác, Luật Geneva ra đời mục đích bảo vệ tính nhân bản của các dân tộc, ngăn cản sự tiêu diệt tận gốc các dân tộc với nhau, bảo vệ quyền cơ bản nhất của con người đó là quyền sống.

Thứ hai, Luật Geneva là ngành luật mang tính thực tiễn, chấp nhận thực tiễn

Luật Geneva ra đời không hề có mục tiêu kích động chiến tranh, cổ động chiến tranh mà chỉ là chấp nhận một thực tiễn khách quan, đồng thời, đưa ra các quy tắc pháp lý tương ứng để hạn chế tới mức tối thiểu thiệt hại xảy ra.

Thứ ba, Luật Geneva là Điều ước quốc tế mang tính chất đa phương, để ngỏ cho mọi quốc gia tham gia cũng như cho quyền tự do rút khỏi công ước

Luật Geneva cũng là một điều ước quốc tế đa phương, năm 1864 có 10 thành viên tham gia, năm 1949 có 196 thành viên, một số quốc gia vẫn còn bỏ ngỏ chưa kí kết.

Thứ tư, bản chất của bốn Công ước Geneva là giới hạn việc sử dụng bạo lực trong khuôn khổ sự cần thiết thích đáng nhằm hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại xảy ra và bảo vệ quyền con người trong chiến tranh chứ không ngăn chặn chiến tranh.

Mục đích của sự ra đời Luật Geneva không phải nhằm xóa bỏ chiến tranh, mà vẫn thừa nhận chiến tranh như là một thực tế khách quan và cố gắng làm hạn chế những tổn thất, thiệt hại không cần thiết về sinh mạng, tài sản để đảm bảo sự tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của con người.

1.2.3.2. Vị trí, vai trò của bốn Công ước Geneva

Thứ nhất, bốn Công ước Geneva là một trong những văn bản cơ bản, nền tảng, trụ cột, đầu tiên của Luật Nhân đạo quốc tế về bảo hộ nạn nhân chiến tranh.

Bốn công ước là những viên gạch nền tảng đầu tiên để các quốc gia thành viên, hàng loạt các văn kiện mang tính pháp lý khác của Luật Nhân Đạo quốc tế ra đời.

Thứ ba, đây là một trong những Điều ước quốc tế đầu tiên chủ tịch nước kí sắc lệnh đánh dấu sự phát triển nhân quyền ở Việt Nam

Những năm 1957 – 1959, Mĩ và tay sai tăng cường dùng bạo lực khủng bố phong trào đấu tranh của quần chúng, thực hiện chính sách “*tố cộng, diệt cộng*”, hàng triệu đảng viên, người dân vô tội bị giết hại. Vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức kí kết bốn Công ước Geneva về việc bảo hộ nạn nhân chiến tranh vào năm 1957.

1.2.4. Phạm vi áp dụng của bốn Công ước Geneva

Phạm vi áp dụng là các cuộc xung đột vũ trang mang tính chất quốc tế và các cuộc xung đột vũ trang không mang tính chất quốc tế. Một số trường hợp không áp dụng Luật Geneva: Bạo loạn nội bộ, Căng thẳng nội bộ.

Chương 2

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỐN CÔNG ƯỚC GENEVA VỀ VIỆC BẢO HỘ NẠN NHÂN CHIẾN TRANH

2.1. Các nguyên tắc chung

** Phân biệt giữa thường dân và binh lính, giữa mục tiêu dân sự và mục tiêu quân sự*

Việc phân biệt này cấm các bên tham chiến lợi dụng việc trà trộn lẫn với dân thường vì sẽ gây thiệt hại rất lớn cho thường dân.

*** *Cấm tấn công và bảo hộ những người không tham gia hoặc đã bị loại khỏi vòng chiến đấu***

Nội dung cơ bản của nguyên tắc này đó là tất cả những người thuộc lực lượng vũ trang bị thương, bị bệnh, bị đắm tàu, tù binh, dân thường, nhân viên y tế, tù binh, nhân viên tôn giáo, nhà báo... đều phải được tôn trọng và bảo vệ mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, tín ngưỡng, tôn giáo...

*** *Đối xử nhân đạo với tù binh và những người của bên đối phương bị bắt giữ***

Các bên tham chiến phải tôn trọng sinh mạng, phẩm giá, các quyền tự do về tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo, quyền được liên lạc với gia đình và tiếp nhận cứu trợ, cung cấp chỗ ăn, chỗ ở đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, vệ sinh và chăm sóc y tế cho họ. Đặc biệt khi xem xét chế tài kỉ luật hay tư pháp thì cũng phải thể hiện thái độ khoan dung, nhân đạo.

2.2. Bảo hộ đối với những người tham chiến

2.2.1. Bảo vệ những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu

2.2.1.1. Khái niệm người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu

Định nghĩa người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu bao gồm cả binh lính và thường dân. Khái niệm “*người bị thương*” bao gồm các dấu hiệu sau: có chấn thương và không có bất kỳ hành động đối địch nào. Khái niệm “*người bị bệnh*” thì dấu hiệu thông thường là bệnh tật, ngoài ra còn có các dấu hiệu khác: rối loạn bất lực khác về thể chất hoặc tinh thần và không có bất kỳ hành động đối địch nào. Cụ thể, định nghĩa còn nêu ra một số đối tượng được coi là những người bị thương, bị ốm như người tàn tật, phụ nữ có thai, sản phụ, trẻ sơ sinh... Phạm vi khái niệm người bị đắm tàu bao gồm cả trên biển (theo nghĩa truyền thống) và trên các sông, hồ... dù đối tượng chuyên chở đó thuộc quân sự hay dân sự. Khái niệm tàu được mở rộng ra cả máy

bay, “rủi ro” thì bao gồm rủi ro do việc bắn hạ bởi hỏa lực của các bên tham chiến hoặc rủi ro về kỹ thuật, thời tiết.

2.2.1.2. Những quy tắc về bảo vệ những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu

** Điều kiện để được bảo vệ là những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu phải từ bỏ bất kỳ hành động đối địch nào*

Đây là cơ sở đầu tiên để những đối tượng này được bảo vệ.

** Những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu phải được tôn trọng và bảo vệ trong tất cả mọi trường hợp. Họ phải được đối xử và chăm sóc một cách nhân đạo. Bất kỳ hành động nào nhằm tước đoạt mạng sống hoặc xâm hại những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu đều bị cấm*

Để những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu được tôn trọng, bảo vệ, được chăm sóc và đối xử nhân đạo thì nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, tín ngưỡng, tôn giáo, giới tính, tín ngưỡng... phải được thực hiện nghiêm chỉnh.

** Nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại đến tính mạng và thân thể của họ như sát hại hoặc thủ tiêu, tra tấn hoặc sử dụng cho các cuộc thí nghiệm sinh học, cố ý không chăm sóc y tế hoặc chủ tâm đặt họ vào nguy cơ có thể bị lây bệnh nhiễm trùng:*

Hành vi nghiêm cấm này được quy định cụ thể tại Điều 12 Công ước (I), (II) và Điều 11 Nghị định thư (I).

** Tại mọi thời điểm và nhất là sau một trận chiến, các bên xung đột cần thực hiện ngay lập tức tất cả những biện pháp để tìm kiếm và thu lượm những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu để đảm bảo chăm sóc y tế đồng thời bảo vệ họ khỏi bị cướp bóc, hành hạ:*

Việc quy định này được thể hiện rất rõ trong các Điều 15, 16, 17 Công ước (I); Điều 17(1) Công ước (II) và Điều 8 Nghị định thư (II).

2.2.2. Bảo vệ tù binh

2.2.2.1. Định nghĩa tù binh

Nguyên tắc chung để được công nhận là tù binh theo Công ước thì

phải đáp ứng hai điều kiện: điều kiện được công nhận là lực lượng vũ trang và điều kiện thỏa mãn quy chế chiến binh. Ta có thể định nghĩa về tù binh như sau: *“bất kỳ thành viên lực lượng vũ trang của một bên xung đột nào cũng là chiến binh và bất kỳ chiến binh nào bị bắt giữ cũng có thể được coi là tù binh”*. Tuy nhiên, một số trường hợp ngoại lệ sau dù không thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu vẫn được coi là tù binh và một số đối tượng được đối xử như tù binh. Một số đối tượng khi bị bắt không được hưởng quy chế tù binh: chiến binh có hành động xảo trá vi phạm quy tắc tự phân biệt và công khai mang vũ khí, lính đánh thuê, lính biệt kích, gián điệp.

2.2.2.2. Những quy tắc về bảo vệ và đối xử đối với tù binh

* Quyền của tù binh

Thứ nhất, quyền được tôn trọng danh dự, nhân phẩm trong mọi trường hợp:

Điều này có nghĩa là khi họ bị bắt họ có các quyền dân sự nào thì được giữ nguyên sau khi trở thành tù binh, trừ trường hợp đặc biệt thì nước giam giữ có thể hạn chế quyền của tù binh nhưng chỉ trong tình trạng giam giữ đòi hỏi. Đặc biệt, các bên không được tra tấn về thể chất hoặc tinh thần, nhục mạ nhằm cưỡng ép tù binh khai thông tin

Thứ hai, quyền được đối xử nhân đạo

Quy định nghiêm cấm những hành động gây thương tật thể chất, các thí nghiệm y học, khoa học đối với tù binh

Tính nhân đạo thể hiện xuyên suốt trong các quy định của Công ước nhưng nổi bật nhất thể hiện ở chế độ kỷ luật áp dụng với tù binh: chế tài hình sự và chế tài kỉ luật.

Thứ ba, quyền được đối xử bình đẳng với mọi tù binh

Tất cả các tù binh của nước giam giữ đều được đối xử như nhau, không chịu bất kỳ sự phân biệt bất lợi nào, dựa trên chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo, chính kiến... trừ một số trường hợp ngoại lệ.

* Những quy tắc về bảo đảm điều kiện giam giữ về vật chất của tù binh

Nước giam giữ phải đảm bảo tù binh được sống ở không gian đủ ánh sáng, đủ lượng khí, đủ sưởi ấm, không bị ẩm thấp phù hợp với phong tục, tập quán của tù binh, khẩu phần ăn hàng ngày đủ cả về chất, lượng, chủng loại, tuyệt đối không được thi hành những biện pháp kỉ luật “*bỏ đói tập thể*” đối với tù binh

** Những quy tắc về đảm bảo điều kiện giam giữ về tinh thần của tù binh*

Tù binh được phép tự do sinh hoạt tôn giáo trong khuôn khổ các quy tắc kỷ luật thông thường do bên giam giữ đặt ra, đồng thời, tù binh được tự do hoạt động sinh hoạt tinh thần, thể thao, giải trí để nhằm đảm bảo cho tù binh sống khỏe về tinh thần, tránh được stress, chán nản.

** Những quy tắc về cứu trợ tù binh*

Tù binh được nhận các đồ cứu trợ từ cá nhân, cơ quan, tổ chức, Ủy ban chữ thập đỏ quốc tế những đồ dùng, vật phẩm phục vụ cho thể chất cũng như tinh thần.

** Những quy tắc về sử dụng sức lao động của tù binh*

Khi sử dụng sức lao động, nước cầm giữ phải tuân thủ nguyên tắc bình đẳng trên cơ sở tính đến tuổi tác, giới tính, cấp bậc và khả năng thể lực của họ và đặc biệt nhằm mục đích giữ cho họ được sức khỏe về thể chất và tinh thần, không lợi dụng lao động để trừng phạt, trả thù. Tù binh không phải làm những công việc có hại cho sức khỏe, không được bắt tù binh làm một việc bị coi là hạ nhục đối với nhân viên trong lực lượng vũ trang, khi được tai nạn thì phải chăm sóc và hưởng phụ cấp.

** Quy tắc đối xử với tù binh ốm nặng, tử vong*

Tù binh ốm thì được lập chúc thư và gửi ngay về nước. Tù binh chết thì được chôn cất tử tế, danh sách mồ mả được gửi lại cho nước tù binh thuộc quyền để người thân có thể tìm kiếm hài cốt.

2.2.3. Lính đánh thuê

Định nghĩa về lính đánh thuê được ghi nhận trong Điều 47 Nghị định thư (I).

Quyền lợi của lính đánh thuê sẽ được hưởng sự bảo hộ tại Điều 75 Nghị định thư (I). Cụ thể quyền lợi của lính đánh thuê được bảo vệ bởi: cấm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe thân thể hay tinh thần của con người, quyền được xét xử công bằng

2.3. Bảo hộ đối với những đối tượng dân sự

2.3.1. Bảo vệ các nhân viên y tế, đơn vị y tế và phương tiện vận chuyển y tế

2.3.1.1. Những quy tắc về bảo vệ các nhân viên y tế

** Định nghĩa về nhân viên y tế:*

Điều 8(c) Nghị định thư (I) nhân viên y tế được quy định cụ thể hơn và mở rộng hơn với điều kiện là những nhân viên y tế phải được chỉ định hoặc thừa nhận bởi một bên trong cuộc xung đột, bao gồm hai loại: những nhân viên làm công tác chuyên môn về y tế và những nhân viên làm công tác hành chính, phục vụ.

** Các quy tắc bảo vệ đối với nhân viên y tế dân sự:*

Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các nhân viên y tế

Điều này có nghĩa là các bên xung đột phải loại trừ nhân viên y tế là mục tiêu tấn công

2.3.1.2. Những quy tắc về bảo vệ các đơn vị y tế:

** Định nghĩa về các đơn vị y tế:*

Đơn vị y tế được hiểu là những cơ sở và đơn vị khác, bất kể thuộc quân y hay dân y, được tổ chức ra với mục đích y tế.

** Quy tắc về bảo vệ các đơn vị y tế:*

Các đơn vị y tế, dù là quân y hay dân y, bất cứ lúc nào cũng đều phải được tôn trọng, bảo vệ và không bao giờ là mục tiêu tấn công

2.3.1.3. Những quy tắc về vận chuyển y tế

Việc vận chuyển y tế là các hoạt động chuyên chở bằng đường bộ, đường thủy, đường hàng không những đối tượng như những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu, nhân viên y tế, nhân viên tôn giáo và các

phương tiện y tế. Hoạt động vận chuyển y tế là đối tượng được miễn trừ tấn công và bắt giữ khi thỏa mãn yêu cầu nhận dạng, tư cách pháp lý, hoạt động.

2.3.1.4. Những quy tắc về bảo vệ các khu vực, địa điểm y tế và an toàn

Các bên xung đột cùng với sự giúp đỡ của các nước bảo hộ và Ủy ban Chữ thập đỏ sẽ thỏa thuận những khu vực nào là khu vực, địa điểm y tế an toàn và về nguyên tắc các bên trong cuộc xung đột phải có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ những địa điểm này, không bao giờ tấn công và các địa điểm đó trừ trường hợp vi phạm.

2.3.1.5. Bảo vệ quyền lợi của các đối tượng thông qua biểu tượng và dấu hiệu phân biệt

Sử dụng các biểu tượng như Biểu tượng phân biệt mà các bên có thể lựa chọn một trong ba loại: Chữ thập đỏ trên nền trắng, trăng lưỡi liềm đỏ trên nền trắng hoặc sư tử và mặt trời đỏ trên nền trắng làm dấu hiệu trên các vật dụng, phương tiện vận chuyển y tế, nhân viên y tế để bảo vệ an toàn cho khu vực, đối tượng.

2.3.2. Bảo vệ các nhân viên tôn giáo

2.3.2.1. Định nghĩa các nhân viên tôn giáo

Nhân viên tôn giáo là binh lính hay thường dân, chuyên thực hiện chức năng tôn giáo và thuộc một trong các lực lượng mà pháp luật quy định.

2.3.2.2. Quy tắc bảo vệ các nhân viên tôn giáo

Các nhân viên tôn giáo phải được tôn trọng và bảo vệ trong mọi trường hợp, bất kỳ sự tấn công nào mà nhằm trực tiếp vào các nhân viên tôn giáo hoặc bất kỳ hành động nào xâm phạm các quyền của họ đều bị coi là sự vi phạm nghiêm trọng và có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật quốc tế, nghiêm cấm các hành vi trả thù nhằm vào họ. Họ không bị bắt buộc làm việc gì khác ngoài chức năng tôn giáo của họ.

2.3.3. Bảo vệ thường dân

2.3.3.1. Khái quát chung về thường dân

Thường dân là những người sinh sống trên những vùng đang xảy ra chiến sự, họ không tham gia chiến sự, tức không phải là chiến binh và không tham gia một phong trào nổi dậy chống lực lượng chiếm đóng, họ cần sự cứu giúp từ các lực lượng y tế, tôn giáo, các tổ chức nhân đạo quốc tế và trong nước để nhằm thoát khỏi tình trạng chiến tranh: chết chóc, đói khát

2.3.3.2. Bảo vệ thường dân trong các lãnh thổ đối phương hoặc bị đối phương chiếm đóng

** Bảo hộ chung cho cư dân trước một số hậu quả do chiến tranh*

Cư dân được trú ẩn ở các khu vực và địa điểm an toàn và bệnh viện hay các khu trung lập hóa để tự bảo vệ quyền an toàn cho mình, được y tế chăm sóc, được cứu trợ.

** Quy chế và việc đối xử với người được bảo hộ (tức là công dân của các quốc gia tham chiến)*

Trong mọi hoàn cảnh, những người được bảo vệ phải được tôn trọng về thân thể, danh dự, quyền lợi gia đình, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán. Bên cạnh đó, cấm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần, các hình phạt, cướp bóc, trả thù. Đồng thời, cấm các dạng tấn công mà đe dọa khủng khiếp đến cuộc sống của người dân, cấm một số phương pháp chiến tranh. Mặt khác, thường dân ở trong các lãnh thổ đối phương hoặc bị chiếm đóng hoặc thuộc sự kiểm soát của một bên xung đột được quyền hưởng các hoạt động cứu trợ:

2.3.4. Bảo vệ những đối tượng đặc biệt trong xung đột vũ trang (phụ nữ, trẻ em, phụ nữ có thai)

Phụ nữ, trẻ em phải được bảo vệ khỏi bị hãm hiếp, nô lệ tình dục, khi phụ nữ có thai phạm tội thì hạn chế tới mức thấp nhất xử hình phạt tử hình. Đồng thời, các bên phải thi hành mọi biện pháp để đảm bảo trẻ em dưới 15 tuổi không tham gia chiến sự.

2.4. Các biện pháp bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi các quy định của bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung

2.4.1. Các biện pháp quốc gia

** Trách nhiệm chuyển nội dung các văn kiện sang ngôn ngữ quốc gia và chuyển hóa nội dung văn kiện vào hệ thống pháp luật quốc gia*

Đây là viên gạch nền đầu tiên để thể chế nội dung của luật vào pháp luật quốc gia.

** Phổ biến, giáo dục nội dung của Công ước và hai Nghị định thư đối với người đứng đầu nhà nước, binh lính thuộc lực lượng vũ trang, cán bộ y tế, toàn thể nhân dân*

Điều này có nghĩa là cần thiết lập các chương trình huấn luyện quân sự, sau đó nếu có điều kiện thì xây dựng chương trình giáo dục dân sự, các khóa đào tạo.

** Xử lý vi phạm bằng hệ thống pháp luật của quốc gia thành viên:*

Với việc thể chế những nội dung của Luật Geneva vào pháp luật quốc gia, quốc gia là chủ thể duy nhất sử dụng những quy định của luật áp dụng trên thực tế để xét xử và trừng trị những nghi can vi phạm theo đúng pháp luật.

2.4.2. Trách nhiệm của một số quốc gia bảo hộ, tổ chức trong việc hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân chiến tranh

2.4.2.1. Quốc gia bảo hộ và các tổ chức thay thế

Nước bảo hộ bắt đầu làm nhiệm vụ của mình khi có sự đồng ý của các bên xung đột. Nhiệm vụ của các quốc gia bảo hộ là đảm bảo sự tôn trọng và thi hành công ước đồng thời đảm bảo quyền lợi của các bên xung đột thông qua các hoạt động cụ thể như: thăm và giữ liên lạc đối với những đối tượng được bảo vệ, đặc biệt là những tù nhân; giám sát các hoạt động trợ giúp nhân đạo; đứng ra làm trung gian giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên...

2.4.2.2. Thúc đẩy sự tôn trọng các quy định của Công ước và hai Nghị định thư thông qua Ủy ban điều tra nhân đạo quốc tế

Phạm vi hoạt động của Ủy ban là cuộc xung đột vũ trang mang tính chất quốc tế và chỉ những quốc gia nào thừa nhận thẩm quyền của Ủy ban mới có quyền yêu cầu Ủy ban thực hành nhiệm vụ này.

2.4.2.2. Hoạt động của Phòng thông tin quốc gia, Cơ quan thông tin Trung ương

Phòng thông tin chính thức và Cơ quan tù binh Trung ương về tù binh có vai trò thu thập tất cả thông tin liên quan đến tù binh, người bị thương bị ốm và chuyển tin tức đến nước nguyên quán càng sớm càng tốt.

2.4.2.3. Hoạt động của Ủy ban hội chữ thập đỏ quốc tế:

Nhiệm vụ của ICRC bao gồm: hoạt động cứu trợ như phân phát những đồ cứu trợ, đến thăm tù binh cũng như các hoạt động giám sát thông qua việc đi thăm tất cả những nơi có tù binh, đặc biệt là nơi giam giữ, tạm giam hoặc nơi tù binh lao động, đồng thời tổ chức các cuộc hội thảo, đối thoại quốc tế nhằm tăng cường sự tuân thủ của các quốc gia đối với luật Nhân đạo nói chung và Luật Geneva nói riêng

2.4.3. Xử lý vi phạm cá nhân bằng chế quy chế của cơ quan xét xử hình sự quốc tế

Tòa án hình sự quốc tế ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan này, là cơ quan xét xử hình sự quốc tế độc lập và thường trực, trừng trị các loại tội: tội diệt chủng, tội phạm chống lại nhân loại, tội phạm chiến tranh và tội xâm lược với nguyên tắc không áp dụng quyền miễn trừ cho những người đứng đầu hay là quan chức cao cấp của nhà nước, thành viên cơ quan lập pháp.

2.5. Đánh giá tính hiệu quả về các quy định bảo vệ quyền con người của nạn nhân chiến tranh

** Quy định pháp lý về bốn Công ước và hai Nghị định thư bổ sung về cơ bản đã trở thành khung pháp lý cơ sở cho việc bảo vệ quyền con người*

** Một số đối tượng còn chưa được bảo vệ:*

+ Luật chưa bảo vệ một số đối tượng sau: lính đánh thuê (vì đặt ra tiêu chuẩn quá cao khiến thực tế họ là “lính đánh thuê” nhưng lại “không phải là lính đánh thuê” theo Công ước), lính biệt kích, gián điệp.

+ Hiện nay xuất hiện lực lượng vũ trang phi chính phủ với sự hiện diện xuyên quốc gia như mạng lưới Al – Queda sẽ được xác định là xung đột thuộc vào loại nào xung đột mang tính chất quốc tế hay không mang tính chất quốc tế và khi họ bị bắt làm tù binh thì họ có được hưởng quy chế tù binh hay không là vấn đề đang tranh cãi

+ Trong thời đại hiện nay, vũ khí hiện đại với tính chất hủy diệt

Gây ra hàng vạn, hàng nghìn người bị thương, bị dị tật vĩnh viễn. Nhưng trong Luật Geneva chưa hề có quy định những vấn đề khi chiến tranh kết thúc chưa có điều khoản để bảo vệ và chữa trị cho họ như thế nào.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC THI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG BỐN CÔNG ƯỚC GENEVA VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

3.1. Nội luật hóa bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung vào pháp luật quốc gia

Hầu hết các quốc gia thành viên đều đã thể chế một cách đầy đủ và chi tiết những nội dung cơ bản của bốn Công ước về hội Chữ thập đỏ vào trong luật hoạt động hội chữ thập đỏ và luật hình sự của các quốc gia. Để làm rõ thêm sự nội luật hóa của quốc gia thành viên ở mức độ nào, tác giả sẽ nghiên cứu bốn bộ luật hình sự của Hoa Kỳ, Cộng hòa Liên bang Nga, Trung Quốc và Việt Nam để rút ra nhận xét.

Và về cơ bản, hình phạt không đáng kể và khung hình phạt rộng, chưa đủ sức răn đe.

3.2. Thực trạng thực thi việc bảo vệ quyền con người trong bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung

3.2.1. Việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục nội dung bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung

Hiện nay, 100/196 đã phổ biến ở những mức độ khác nhau nội dung Luật Geneva. Các quốc gia còn lại đang nỗ lực đưa nhân quyền vào trong đời sống.

3.2.2. Thực tiễn bảo vệ quyền con người trong xung đột vũ trang

Thứ nhất, tù binh chưa được tôn trọng và đối xử nhân đạo, việc đối xử nhân đạo hay không là phụ thuộc vào sự nhân đạo của các quốc gia chứ chưa phụ thuộc vào các quy định của pháp luật:

** Tù nhân chiến tranh trong nhiều trường hợp không được coi là người*

Khảo sát lịch sử các cuộc chiến tranh, chúng ta có một nhận xét chung là tù nhân chiến tranh luôn là đối tượng bị vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, nhiều trường hợp họ vẫn bị tra tấn, bị giết, thiếu thốn về mọi thứ: ăn uống, vệ sinh... Tiêu biểu trong chiến tranh Hoa Kỳ – Việt Nam.

** Tôn tại hệ thống bắt giữ và giam cầm tù binh ngoài sự thống trị của pháp luật (tiêu biểu là Hoa Kỳ), không có tòa án bảo vệ quyền lợi của họ:*

Trên thực tế, những thực trạng thương tâm vẫn diễn ra trước mắt, họ không những bị tra tấn dã man, bị xâm phạm quyền cơ bản của một con người mà họ còn phải chịu đựng tình trạng bị giam giữ vô thời hạn, không có hệ thống tòa án đứng ra xét xử và bảo vệ quyền lợi cho họ. Thực trạng này thể hiện rất rõ trong báo cáo của HRW ngày 7/3/2004.

** Tôn tại một thái độ im lặng, lờ đi của quốc gia siêu cường trên thế giới (tiêu biểu là Hoa Kỳ) thể hiện sự bất lực của quy tắc Geneva và cơ chế thực thi:*

Như đã trình bày ở trên, các tổ chức quốc tế hoạt động bảo vệ nhân quyền như HRW, ICRC, UNHR... đã lên án hành động của Hoa Kỳ, thế nhưng câu trả lời là “im lặng”, “lờ đi” hay “phủ nhận hoàn toàn”. Điều

này chứng tỏ quy tắc Geneva và cơ chế thực thi, cũng như cộng đồng quốc tế không thể giải quyết được

Thứ hai, vấn đề bảo vệ dân thường, phụ nữ, trẻ em vẫn vi phạm thường nhật trong chiến tranh:

** Tấn công không có sự phân biệt giữa dân thường và binh lính, giữa mục tiêu quân sự và mục tiêu dân sự:*

Tình trạng này vẫn diễn ra phổ biến, hàng ngày hàng giờ loài người vẫn phải chứng kiến thảm cảnh dân thường bị giết, bị bắn chết trong các cuộc chiến tranh. Điển hình, trong chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã thực hiện chính sách “*giết nhầm còn hơn bỏ sót*” hay “*vụ việc lính Mỹ bắn giết, cười trên xác dân thường Iraq được WikiLeaks ghi lại bằng video*”

** Vẫn còn tình trạng trẻ em tham gia vào đấu tranh vũ trang, bị bán, bị ép buộc tham gia xung đột vũ trang*

Đó là thực trạng đang diễn ra phổ biến ở Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS và Liberia, gây ra sự tổn thương nghiêm trọng đến tâm lý trẻ em và quyền của trẻ em.

Thứ ba, thực tiễn hoạt động của tòa án quốc gia, tòa án hình sự quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người:

** Khi có hành vi vi phạm các bên tham chiến luôn tìm mọi cách bưng bít thông tin, che giấu sự vi phạm, chỉ trong trường hợp vụ việc phát giác và chịu sức ép từ dư luận quốc tế mới tiến hành điều tra ở tòa án quốc gia:*

Đây là tình trạng chung của tất cả các nước, nhưng Hoa Kỳ là tiêu biểu vì có sức mạnh của siêu cường trên thế giới, tiêu biểu là vụ thám sát Mỹ Lai 1969.

** Hình phạt tù đối với quân nhân phạm tội trong chiến tranh còn rất nhẹ, chưa đủ sức răn đe*

Khung hình phạt rất rộng (Hoa Kỳ), số năm hình phạt ít (Việt Nam)... với một loạt các tình tiết giảm nhẹ ở mỗi quốc gia nên hình phạt không đáng kể.

** Một số nước lớn (điển hình là Hoa Kỳ) đã lợi dụng hiệp định song phương về miễn trừ về quân nhân để cản trở việc thực thi một cách có hiệu quả hoạt động của ICC:*

Hiện nay, một số nước lớn mà tiêu biểu là Hoa Kỳ lợi dụng tư cách một nước lớn đã ký với 100 nước (2005) và đang vận động ký với nhiều quốc gia khác.

** Hoạt động của ICC về cơ bản đã có hiệu quả trong việc xử các tội phạm chiến tranh nhưng vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định:*

ICC không có lực lượng cảnh sát, vì thế tòa phải dựa vào sự hợp tác của quốc gia liên quan để bắt giữ nghi phạm.

Thứ tư, hoạt động của hội Chữ thập đỏ quốc tế, hội Chữ thập đỏ quốc gia, Phòng thông tin quốc gia và Cơ quan thông tin trung ương đã đạt hiệu quả cao trong việc hỗ trợ và cứu trợ, tìm kiếm nạn nhân chiến tranh, góp phần bảo vệ nhân quyền trong chiến tranh:

Hai tổ chức này đã làm tròn sứ mệnh nhân đạo của mình.

** Nhận xét chung:*

+ Với sự ra đời của Luật Geneva, hoạt động bảo vệ nhân quyền trong chiến tranh về cơ bản đã đạt được hiệu quả.

+ Văn kiện mang tính pháp lý nhưng bị chính trị hóa trong nhiều trường hợp nên hiệu quả chưa cao.

3.2.3. Nguyên nhân của tồn tại phổ biến vi phạm nhân quyền trong chiến tranh

Thứ nhất, phần lớn không phải do sự bất cập các quy định của Luật Geneva mà là thiếu thiện chí tôn trọng và tuân thủ không nghiêm của các quốc gia.

Thứ hai, trong Luật Geneva, kể từ khi được hình thành vẫn chưa có cơ chế đảm bảo thi hành hiệu quả, sự bất lực này hiển nhiên dẫn đến tổn thất về con người trong chiến tranh.

Thứ ba, tuyên truyền, giáo dục các quy định của Luật Geneva trong quân đội, cho dân thường chưa tốt.

Thứ tư, người thực thi pháp luật chưa tốt.

Thứ năm, pháp luật quốc gia và hoạt động của ICC chưa đủ sức răn đe.

Thứ sáu, do ý chí chính trị của nhà lãnh đạo, người cầm quyền.

Thứ bảy, do nhận thức của từng người, trình độ văn hóa của từng người.

Thứ tám, một phần nguyên nhân là do vẫn còn tồn tại tình trạng phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc.

3.3. Giải pháp để nâng cao tính hiệu quả trong việc thực thi bảo vệ quyền con người trong bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung

Thứ nhất, các quốc gia tiếp tục tuyên truyền, giáo dục luật Nhân quyền quốc tế, luật Nhân đạo quốc tế nói chung và các quy tắc của Luật Geneva nói riêng

Thứ hai, các quốc gia giáo dục con người sống nhân văn, đạo đức, sống vì lý tưởng cao đẹp trong cộng đồng quốc tế

Thứ ba, thúc đẩy xu hướng đa cực hóa trong quan hệ quốc tế để hạn chế được sức mạnh của một số siêu cường trên thế giới

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật của Luật Nhân đạo quốc tế nói chung và bốn Công ước Geneva nói riêng cũng như pháp luật quốc gia trong việc bảo vệ quyền lợi của những được bảo hộ trong chiến tranh

Thứ năm, tiếp tục tăng cường đối thoại đối với các quốc gia thành viên để tìm giải pháp tăng cường sự tuân thủ các quy định Luật Geneva dưới sự hỗ trợ của ICRC và Thụy Sĩ

KẾT LUẬN

1. Mỗi con người khi sinh ra tạo hóa đã ban tặng cho họ có những quyền cơ bản nhất, vì đơn giản họ là con người. Chiến tranh như một hiện thực khách quan khủng khiếp cướp đi rất nhiều quyền cơ bản của con người, mà trước hết là quyền sống.

2. Các quy tắc Geneva không thể bảo vệ tất cả đối tượng tham gia xung đột vũ trang mà chỉ liệt kê một số đối tượng cụ thể. Đồng thời, pháp luật cũng có quy định một số biện pháp nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc bảo vệ đối tượng này trong chiến tranh.

3. Bên cạnh thành tựu đạt được kể từ khi Luật Geneva ra đời thì một thực tế không thể không phủ nhận đó là còn quá nhiều vi phạm nhân quyền trong chiến tranh.

4. Thái độ của các nước lớn, tiêu biểu là Hoa Kỳ, khi bị lên án hoặc tung video lên phương tiện thông tin đại chúng về các hành vi vi phạm nhân quyền nghiêm trọng thì giữ thái độ “*im lặng*” hoặc “*phủ nhận*”.

5. Thực trạng trên xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân cơ bản nhất đó là quan điểm về chiến tranh từ ngàn đời nay đó là các bên phải tước đi sinh mạng của nhau, ai chứng tỏ là kẻ mạnh hơn thì kẻ đó sẽ là người chiến thắng. Suy nghĩ, thói quen tồn tại và ăn sâu vào trong máu thịt của loài người kể từ khi bắt đầu có sự sống trên trái đất. Vì thế, để thay đổi thói quen, suy nghĩ mà đã tồn tại như một quy tắc này thì thực sự phải nỗ lực, kiên trì, bền bỉ thúc đẩy các hoạt động nhân quyền trong thời bình và thời chiến.

6. Cuối cùng, giải pháp quan trọng nhất để thúc đẩy hoạt động nhân quyền trong chiến tranh đó là nỗ lực, kiên trì, bền bỉ công tác tuyên truyền, giáo dục các quy tắc về Luật Nhân quyền quốc tế và Luật Nhân đạo quốc tế nói chung và các quy tắc của bốn Công ước Geneva nói riêng để loại dần dần suy nghĩ, thói quen đã ăn sâu, bám rễ trong hành động của con người